

PHỤ LỤC: NỘI DUNG SỬA ĐỔI

Stt	Nội dung đánh giá	Nội dung của E- HSMT trước khi sửa đổi	Nội dung của E-HSMT sau khi sửa đổi
I	Mẫu số 01A – Phạm vi cung cấp hàng hóa thuộc Chương IV: Biểu mẫu mời thầu		
1	Máy hủy tài liệu	6 cái	3 cái

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên Chủ đầu tư: Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ninh.
- Tên gói thầu: Mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin.
- Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh trong nước qua mạng, một giai đoạn một túi hồ sơ.
- Địa điểm thực hiện: Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ninh.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 05 ngày.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:

- Hàng hóa được cung cấp phải là hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng và phải là hàng hóa chính hãng.
- Nhà thầu phải đề xuất rõ ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất, năm sản xuất, xuất xứ, mô tả thông số kỹ thuật, quy cách của hàng hóa.
- Tài liệu chứng minh đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa chào hàng: Nhà thầu phải cung cấp catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật có đầy đủ nội dung chứng minh các đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa chào hàng và được dẫn chiếu rõ ràng.
- Nhà thầu phải cam kết bàn giao cho chủ đầu tư các giấy tờ sau khi giao hàng:
 - + Trường hợp hàng hóa nhập khẩu: Bản gốc hoặc bản công chứng: Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O), Giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm của nhà sản xuất (C/Q) và các giấy tờ liên quan khác theo quy định đối với hàng hóa nhập khẩu hoặc đầy đủ giấy tờ để xe đi đăng ký.
 - + Trường hợp hàng hóa sản xuất trong nước: Bản gốc hoặc bản công chứng: Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng, hóa đơn bán hàng và giấy bảo hành của nhà sản xuất hoặc đại lý phân phối (nếu có).
- Tất cả các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa nếu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính pháp lý của bản dịch so với bản gốc.
- Nhà thầu có cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của các văn bản có yếu tố nước ngoài, văn bản và catalogue của nhà sản xuất. Trong trường hợp nghi ngờ gian lận tài liệu, Chủ đầu tư sẽ yêu cầu nhà thầu cung cấp bản gốc để đối chiếu.

- Nhà thầu chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các thông tin, thông số kỹ thuật do nhà thầu cung cấp. Trong trường hợp phát hiện thông số tại tài liệu nhà thầu cung cấp có sự khác biệt so với thông tin trên website của hãng sản xuất (các tính năng, thông số kỹ thuật trên website chính thức của hãng sản xuất cũng có thể được coi là tài liệu kỹ thuật dùng để đánh giá sự đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa dự thầu) hoặc trường hợp cần thiết khác, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu bổ sung, làm rõ. Mọi gian lận về hồ sơ, tài liệu, các thông số kỹ thuật của hàng hóa của nhà thầu là căn cứ để Chủ đầu tư đề nghị cấm tham gia hoạt động đấu thầu, tạo cảnh báo trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc chuyển các cơ quan chức năng xử lý theo quy định.

- Các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa dự thầu được đánh dấu vào các thông số kỹ thuật và các nội dung đề xuất để chứng minh tính đáp ứng của hàng hóa, các tài liệu được phân loại thành từng file riêng và ghi tên file tương ứng với từng tài liệu, scan đính kèm E-HSMT để Chủ đầu tư thuận tiện trong việc kiểm tra, đánh giá.

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

Bất kỳ thương hiệu, nhãn hiệu nào (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật đều mang tính chất minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu. Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có thông số kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ “tương đương” hoặc tốt hơn so với các yêu cầu cụ thể ở dưới và cung cấp tài liệu chứng minh sự đáp ứng tốt hơn của hàng hóa chào thầu so với yêu cầu của E-HSMT. “Tương đương” có nghĩa là có chất lượng, tính năng sử dụng bằng thông số mời thầu. Nhà thầu có văn bản giải trình, cung cấp tài liệu chứng minh hàng hóa nhà thầu chào có thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn. Trường hợp nhà thầu không có văn bản giải trình, tài liệu chứng minh thì đơn vị tư vấn tiến hành đánh giá theo đúng tài liệu kỹ thuật trong E-HSMT của nhà thầu. Tất cả hàng hóa phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật tại E-HSMT thì mới được coi là đáp ứng và được xem xét, đánh giá ở bước tiếp theo.

Yêu cầu kỹ thuật chi tiết theo bảng dưới đây:

STT	Danh mục, thông số kỹ thuật
1	Máy hủy tài liệu, có các chức năng:
	Vụn thành mảnh 3x20mm
	Công suất hủy (70g A4): 13-14
	Tốc độ hủy 3.2m/phút
	Miệng cắt rộng: 222mm
	Thùng giấy 25L
	Tự khởi động
	Ngưng khi kẹt giấy
	Chức năng trả giấy ngược

STT	Danh mục, thông số kỹ thuật
	Hũ CD/ thẻ từ/kim bấm
	Có bánh xe di chuyển dễ dàng
	Thời gian hủy: 16 phút
	Độ ồn: 58dB
	Trọng lượng: 20 kg
	Kích thước: 410 x 320 x 615mm
	Bảo hành: 24 tháng
	Sản xuất năm 2024 trở về sau
	(hoặc tương đương)
2	Máy scan, có các chức năng:
	Khổ giấy: A4/A5
	Tốc độ: A4, 200dpi
	Trắng đen: 45ppm (1 mặt) / 90ipm (2 mặt)
	Thang xám: 45ppm (1 mặt) / 90ipm (2 mặt)
	Màu: 45ppm (1 mặt) / 90ipm (2 mặt)
	Scan hai mặt: Có
	Khay nạp bản gốc tự động (ADF): Có
	Cổng giao tiếp: USB
	Độ phân giải: Độ phân giải quang học 600 dpi
	Độ phân giải lựa chọn :100 x 100 dpi, 150 x 150 dpi, 200 x 200 dpi, 240 x 240 dpi, 300 x 300 dpi, 400 x 400 dpi, 600 x 600 dpi
	Bảo hành: 12 tháng
	Sản xuất năm 2024 trở về sau
	(hoặc tương đương)
3	Máy in laser đen trắng A4 (thông số áp dụng cho tất cả các máy in A4 theo phạm vi công việc mới thầu), có các chức năng:
	Tốc độ in 43 trang/phút, in khổ A4, 2 mặt tự động
	Độ phân giải 600 x 600dpi, 1200 x 1200dpi, 2400 x 600 dpi
	Bảng điều khiển Màn hình LCD 5", + bàn phím số cơ học
	Bộ nhớ 1 GB
	Thời gian in bản đầu tiên FPOT ~ 5,7 giây

STT	Danh mục, thông số kỹ thuật
	Giấy vào Khay giấy cassette 550 tờ, khay tay 100 tờ
	Khay giấy cassette PF-C1: 550 tờ x 3 (chọn thêm)
	Lượng giấy tối đa 2,300 tờ tối đa
	Ngôn ngữ in PCL6, UFR II, PostScript 3, PDF, XPS
	Kết nối USB 2.0 tốc độ cao, Network, SD Card Slot, Mobile
	chức năng in qua các thiết bị di động, cloud...
	Hệ điều hành Windows, Mac OS
	Mực Cartridge 056 (10,000 trang), 056H: 21,000 trang
	Công Suất 150,000 trang / tháng
	Bảo hành: 12 tháng
	Sản xuất năm 2024 trở về sau
	(hoặc tương đương)
4	Máy in laser đen trắng A3, có các chức năng:
	Chức năng: Print
	Công nghệ in: Laser Size giấy: A3
	Tốc độ in: Up to 35 ppm
	Thời gian in trang đầu tiên: As fast as 9 sec
	Công suất in khuyến nghị: 4000 to 8000
	Độ phân giải: Up to 1200 x 1200 dpi
	Số lượng người sử dụng: 5-15 Users
	Kết Nối: 1 USB 2.0 device port; 1 Fast Ethernet 10/100
	Bộ Nhớ: 256 MB (DDR3 RAM)
	Tray giấy đầu vào: 100-sheet multipurpose tray, 250-sheet input tray
	Tray giấy đầu ra: 250-sheet output bin Duplex: Manual
	Hộp mực: Black LaserJet Toner Cartridge (~12,000 yield) – CZ192A hoặc tương đương
	Bảo hành: 12 tháng
	Sản xuất năm 2025
	(hoặc tương đương)
5	Máy tính xách tay loại 2
	Core i7-1255U, 16GB, 512GB SSD, Intel Iris Xe Graphics, 15.6" FHD, 4C

STT	Danh mục, thông số kỹ thuật
	54Wh, ac+BT, OfficeHome24, McAfee LS, Win 11 Home, Platinum Silver (Bạc) hoặc tương đương
	Bảo hành: 12 tháng
	cặp + chuột quang
	Sản xuất năm 2024 trở về sau
	(hoặc tương đương)
6	Máy tính xách tay loại 1
	Core 15-fb3115AX, AMD R7 7445HS, 16GB RAM, 512GB SSD, RTX 4050 6GB, 15.6 inch FHD, Webcam, 4 Cell, Wlan ax+BT, Win11 Home 64, Mica Silver hoặc tương đương
	Bảo hành: 12 tháng
	Sản xuất năm 2024 trở về sau
	(hoặc tương đương)
7	Máy tính để bàn (PC)
	Intel® Core™ i5 14500 Processor 2.6GHz (24MB Cache, up to 5.0GHz, 14 cores, 20 Threads) Chipset: Intel® B760 Chipset
	Bộ nhớ RAM 16GB, có khả năng nâng cấp RAM lên đến 128GB
	Ổ cứng 512GB M.2 2280 NVMe™ PCIe® 4.0 SSD Có khả năng nâng cấp tối đa 1 x 3.5" HDD + 1 x 2.5' HDD, up to 3TB 7200 rpm; 2 x M.2 SSD, up to 2TB PCIe® 4.0 SSD
	Đồ họa Intel® UHD Graphics 770
	Audio High Definition 7.1 Channel Audio
	Cổng kết nối Mặt sau: 1x RJ45 Gigabit Ethernet 1x HDMI 1.4 1x VGA Port 1x Displayport 1.4 1x 7.1 channel audio (microphone, line-out, Line-in) 1x Kensington lock 1x Padlock loop 3x USB 2.0 Type A 2x USB 3.2 Gen 1 Type-A 1x FLEX I/O port (HDMI 2.1 TMDS) Cổng kết nối Mặt trước: 1x Headphone 1x 3.5 mm combo audio jack (Mic in or Headphone out) 2x USB 2.0 Type A 2x USB 3.2 Gen 2 Type-A 1x USB 3.2 Gen 2*2 Type-C 1x 2 in 1 card reader SD / MMC (đầu đọc thẻ thông minh) Khe cắm mở rộng 1x PCIe® 4.0 x 16 2x PCIe® 3.0 x 1 1x M.2 2230 connector for storage 1x M.2 2280 connector for storage 1x M.2 connector for WiFi 4x DDR5 U-DIMM slot
	Kết nối mạng: Intel WGI219V 10/100/1000 Mbps, non-vPro Card mạng không dây 300M chuẩn PCI WN881ND
	Phụ kiện Phụ kiện chuột, bàn phím đồng bộ đi kèm
	Windows 11 Home bản quyền

STT	Danh mục, thông số kỹ thuật
	Màn hình VA249HG-R Kích thước màn hình 23.8 inch Độ phân giải Full HD (1920x1080) Tỉ lệ 16:9 Tấm nền màn hình IPS Độ sáng 250 cd/m ² Màu sắc hiển thị 16.7 triệu màu Độ tương phản max 3000 : 1 Tần số quét 120Hz Cổng kết nối HDMI, D-Sub (VGA) Thời gian đáp ứng 1ms Góc nhìn 178 ° / 178 ° Tính năng: - Công nghệ không theo dõi: Có - Công nghệ SPLENDID: Có - 8 Chế độ hiển thị - Nhiệt độ màu Lựa chọn: Có (4 chế độ) - HDCP: Có - Motion Sync: Có - Adaptive-Sync: 48-120Hz Bộ lọc ánh sáng xanh có thể điều chỉnh
	Bảo hành máy tính 24 tháng, màn hình 36 tháng.
	Sản xuất năm 2024 trở về sau
	(hoặc tương đương)

Ghi chú:

- Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ Catalogue hoặc các tài liệu có liên quan của hàng hóa chào hàng do hãng sản xuất phát hành để chứng minh hàng hóa chào hàng đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo E-HSMT. Tất cả tài liệu cung cấp phải bằng tiếng Việt, trong trường hợp bằng tiếng nước ngoài nhà thầu phải đính kèm bản dịch tiếng Việt và chịu trách nhiệm về tính chính xác của tài liệu cung cấp. Trường hợp E-HSMT thiếu các bản dịch tiếng Việt, nhà thầu phải chịu trách nhiệm bổ sung, làm rõ trong quá trình đánh giá E-HSMT.

- Các thông số kỹ thuật của hàng hóa ở trên chỉ nhằm mô tả thông số, yêu cầu kỹ thuật tối thiểu hàng hóa dự thầu phải đáp ứng mà không nhằm định hướng một loại hàng hóa, một hãng sản xuất cụ thể nào. Nhà thầu có thể chào hàng hóa có thông số kỹ thuật, tính năng, công dụng tương đương hoặc cao hơn.

1.3. Các yêu cầu khác: Không.

Mục 2. Bản vẽ

Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Thời gian kiểm tra: Ngay sau khi hàng hoá được giao tới địa điểm quy định.

Cách thức tiến hành kiểm tra: Hai bên tiến hành kiểm tra hàng hoá căn cứ theo yêu cầu của hợp đồng đã ký kết và các tài liệu có liên quan.

Mọi chi phí liên quan đến việc kiểm tra, thử nghiệm, nghiệm thu do Nhà thầu thanh toán.

Những hàng hoá không đạt yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm Nhà thầu phải thay thế bằng những hàng hoá khác tương ứng cho đến khi được Chủ đầu tư chấp nhận.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

* Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Mục	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Đặc tính kỹ thuật và tính hợp lệ của hàng hóa		
1	Thông số kỹ thuật của hàng hóa/thiết bị thuộc Mẫu số 01A. Phạm vi cung cấp.	Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất (hãng sản xuất), đáp ứng tất cả các yêu cầu về kỹ thuật tại Mục 1.2 Yêu cầu về kỹ thuật, Chương V, Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT.	Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất (hãng sản xuất) không đáp ứng một trong các yêu cầu về kỹ thuật tại Mục 1.2 Yêu cầu về kỹ thuật Chương V, Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT.
2	Tính hợp lệ của hàng hóa	Có tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa đáp ứng yêu cầu tại mục CDNT 10.8(b) - Chương II-Bảng dữ liệu đấu thầu.	Không có hoặc có nhưng không đáp ứng yêu cầu cột (3).
B	Cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì		
1	Quy trình bảo hành, bảo trì	Có quy trình bảo hành, bảo trì hợp lý, khả thi phù hợp với gói thầu	Không có hoặc có nhưng không đáp ứng yêu cầu cột (3)
2	Thời gian bảo hành, bảo trì các hàng hóa/thiết bị	Đáp ứng thời gian bảo hành theo Mục 1.2 Yêu cầu về kỹ thuật, Chương V, Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT.	Không có hoặc có nhưng không đáp ứng yêu cầu cột (3)
3	Phụ tùng/linh kiện thay thế: - Có cam kết sử dụng các linh kiện, phụ kiện được cung cấp bởi nhà sản xuất của thiết bị trong trường hợp thiết bị đó cần sửa chữa,	Có cam kết đáp ứng yêu cầu	Không có hoặc có nhưng không đáp ứng yêu cầu cột (3)

Mục	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
(1)	(2)	(3)	(4)
	thay thế trong thời gian bảo hành		
4	Dịch vụ sau bán hàng	Có cam kết khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: 24 giờ tại nơi lắp đặt thiết bị	Không có hoặc có nhưng không đáp ứng yêu cầu cột (3)
C	Tiến độ cung cấp hàng hóa		
1	Thời gian thực hiện gói thầu	≤ 05 ngày	> 05 ngày
2	Tiến độ cung cấp, lắp đặt hàng hóa từ khi ký hợp đồng đến khi nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng	Có bảng tiến độ cung cấp và lắp đặt thiết bị đầy đủ, hợp lý, khả thi, phù hợp với giải pháp kỹ thuật, tổ chức cung cấp, lắp đặt của nhà thầu.	Không có hoặc có nhưng không đáp ứng yêu cầu cột (3)
D	Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa		
1	Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt, kiểm thử, vận hành thử hàng hóa sau khi lắp đặt	Có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt, kiểm thử, vận hành thử hàng hóa sau khi lắp đặt.	Không có hoặc có nhưng không đáp ứng yêu cầu cột (3)
2	An toàn lao động và vệ sinh môi trường	Có biện pháp bảo đảm an toàn khi lắp đặt, vận hành thử đối với thiết bị sử dụng điện và bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, đầy đủ khi cung cấp, lắp đặt hàng hóa	Không có hoặc có nhưng không đáp ứng yêu cầu cột (3)
E	Về đào tạo, hướng dẫn sử dụng thiết bị		
1	Kế hoạch đào tạo, hướng dẫn sử dụng	Nhà thầu phải có kế hoạch đào tạo và hướng dẫn sử dụng các hàng hóa với nội dung đầy đủ, chi tiết, khoa học và phù hợp yêu cầu của E-HSMT	Không có hoặc có nhưng không đáp ứng yêu cầu cột (3)
F	Khả năng thích ứng về địa lý và Tác động đối với môi trường		

Mục	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Khả năng thích ứng về địa lý, môi trường	Có cam kết hàng hóa cung cấp hoàn toàn thích ứng về địa lý, môi trường.	Không có hoặc có nhưng không đáp ứng yêu cầu cột (3).
2	Tác động đối với môi trường	Có cam kết hàng hóa được cung cấp không có ảnh hưởng tác động nhiều đến môi trường và đề xuất biện pháp giải quyết hợp lý.	Không có hoặc có nhưng không đáp ứng yêu cầu cột (3).
G	Uy tín của nhà thầu		
1	Uy tín của nhà thầu thông qua kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 19 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có) trong thời gian từ năm 2022 tính đến thời điểm đóng thầu.	Có cam kết không vi phạm về Uy tín của nhà thầu thông qua kết quả thực hiện hợp đồng và chất lượng hàng hóa tương tự được công khai.	Không có hoặc có nhưng không đáp ứng yêu cầu cột (3)
Kết luận		Đạt tất cả các yêu cầu nêu trên	Có từ một nội dung không đạt trở lên